MasterFlow® 932 AN

Vữa cấy thép epoxy (1:1) chất lượng cao

MIÊU TẢ

MasterFlow 932 AN là dạng keo epoxy nguyên chất, 2 thành phần (1:1) có cường độ cao, dùng cho bê tông có vết nứt và bê tông chống nứt, trong điều kiện địa tầng bình thường hoặc địa tầng không ổn định (chịu được đến loại C1 trong phân loại địa tầng). **MasterFlow 932 AN** Thích hợp sử dụng cho hầu hết các kết cấu chịu tải và có yêu cầu cao.

ỨNG DỤNG

MasterFlow 932 AN sử dụng cho:

- Các ứng dụng về kết cấu của bê tông cho có vết nứt và bê tông chống nứt, trong điều kiện địa tầng (C1)
- Mặt lộ thiên
- Cấy thép trước
- Thanh chắn
- Thép kết cấu

ĐẶC ĐIỂM VÀ CÔNG DỤNG

- Cấy và cố định vật vào các cạnh biên
- Kiểm tra chống cháy
- Đa dụng
- Cấy thép mà không tăng áp lực do giãn nở
- Chịu tải cao
- Thời gian keo hóa/thời gian sử dụng sau mở được lâu hơn
- Thích hợp cho lỗ cấy khô hoặc ẩm

CHỨNG NHẬN VÀ KIỂM TRA

- Phù hợp ETA, ETAG 001 phần 1 & 5 lựa chọn 1 cho keo cấy thép dùng cho bê tông có vết nứt và bê tông chống nứt
- Phù hợp ETA, TR023 dùng cho thi công cấy nối thép.
- Đã thí nghiệm theo tiêu chuẩn LEED 2009 EQ c4.1, SCAQMD rule 1168 (2005)
- Kiểm tra chống cháy F240 dùng cho thép gia cường, đạt tiêu chuẩn A+theo French VOC Regulation
- Chứng chỉ đánh giá ICC-ES để sử dụng trong bê tông có vết nứt và bê tông chống nứt

ĐÓNG GÓI

MasterFlow 932 AN được cung cấp ở dạng:

- Hộp 12 ống 400ml và
- Hộp 12 ống 600ml.

QUY TRÌNH THI CÔNG

Vui lòng tham khảo kỹ thuật từ BASF.

HẠN SỬ DỤNG

Các ống phải được lưu trữ nguyên vẹn, theo chiều được quy định trên nhãn thùng, lưu trữ ở điều kiện khô mát (+10°C to +25°C) và tránh ánh nắng mặt trời. Khi lưu trữ đúng cách, hạn sử dụng là 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

THẬN TRỌNG

Để biết thêm thông tin chi tiết về các chất gây nguy hại đối với sức khỏe cũng như cách thức xử lý và sử dụng sản phẩm này một cách an toàn, xin vui lòng tham khảo Bảng Dữ liệu an toàn hóa chất BASF (MSDS) từ văn phòng hoặc trên trang web của chúng tôi

A brand of MBCC GROUP

MasterFlow® 932 AN

Vữa cấy thép epoxy (1:1) chất lượng cao

THỜI GIAN THI CÔNG VÀ BẮT ĐẦU CHỊU TẢI

Nhiệt độ ống keo	Thời gian hoạt động	Nhiệt độ nền	Thời gian bắt đầu chịu tải
+10 to +15°C	20 Phút	+5 to +10°C	24 Giờ
		+10 to +15°C	12 Giờ
+15 to +20°C	15 Phút	+15 to +20°C	8 Giờ
+20 to +25 °C	11 Phút	+20 to +25 °C	7 Giờ
+25 to +30 °C	8 Phút	+25 to +30 °C	6 Giờ
+30 to +35 °C	6 Phút	+30 to +35 °C	5 Giờ
+35 to +40 °C	4 Phút	+35 to +40 °C	4 Giờ
+40 °C	3 Phút	+40 °C	3 Giờ

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Đặc tính		Đơn vị	Giá trị	Tiêu chuẩn kiểm tra
Tỷ trọng		g/cm³	1.5	ASTM D 1875 @ +20°C/ + 72°F
Cường độ chịu nén	24 giờ	N/mm²	75	ASTM D 695 @ +20°C/ + 72°F
	7 ngày	N/mm²	95	
Cường độ kéo	24 giờ	N/mm²	18	ASTM D 638 @ +20°C/ + 72°F
	7 ngày	N/mm²	23	
Độ giãn dài tới hạn	24 giờ	%	6.6	ASTM D 638 @ +20°C/ + 72°F
	7 ngày		5.9	
Module kéo	24 giờ	GN/mm²	5.7	ASTM D 638 @ +20°C/ + 72°F
	7 ngày	GN/mm²	5.5	
Cường độ chịu uốn	24 giờ	N/mm²	45	ASTM D 790 @ +20°C/ + 72°F
HDT	7 ngày	°C	49	ASTM D 648 @ +20°C/ + 72°F
VOC		g/L	4.5	ASTM D 2369

SỐ LƯỢNG LỖ CẤY LÝ THUYẾT CHO TỪNG ỐNG

Khi thi công trên nền cứng chắc

Thể tích ống	h_{ef}	Ø8	Ø10	Ø12	Ø16	Ø20	Ø25	Ø32
		Đường kính khoan Ø12mm	Đường kính khoan Ø14mm	Đường kính khoan Ø16mm	Đường kính khoan Ø20mm	Đường kính khoan Ø25mm	Đường kính khoan Ø32mm	Đường kính khoan Ø40mm
400ml	10d	68	44	31	18	9	4	2+
	12d	56	37	26	15	7	3	1
	20d	34	22	15	9	4	2	1

MasterFlow® 932 AN

Vữa cấy thép epoxy (1:1) chất lượng cao

MasterFlow 932 AN VỚI THÉP GIA CƯỜNG (Định mức lý thuyết)

THÔNG SỐ THI CÔNG

Đường kính thép (mm)	10	12	16	20	25	32
Đường kính lỗ khoan (mm)	14	16	20	25	32	40

SỨC KHÁNG LÝ THUYẾT

Kích cỡ thép	Ø10	Ø12	Ø16	Ø20	Ø25	Ø32
Chiều sâu khoan hiệu dụng h_{ef} (mm)	90	110	125	170	250	300
Bê tông không nứt Ngưỡng nhiệt độ (-40°C/+40 °C)						
Lực kéo C20/25 $N_{Rd,p}$ [kN]	18.85	23.70	38.9	66.12	121.55	186.70
C50/60 $N_{Rd,p}$ [kN]	21.49	27.01	44.34	75.38	138.57	212.84
Lực cắt C20/25 $N_{Rd,p}$ [kN]	9.33	14.67	20.67	57.33	90.00	147.33
Bê tông có vết nứt Ngưỡng nhiệt độ (-40°C/+40 °C)						
Lực kéo C20/25 $N_{Rd,p}$ [kN]	14.14	17.77	20.94	35.60	46.75	71.81
C50/60 $N_{Rd,p}$ [kN]	15.41	19.37	22.83	38.81	50.96	78.27
Lực cắt C20/25 $N_{Rd,p}$ [kN]	9.33	14.67	20.67	57.33	90.00	147.33

SỨC KHÁNG KHUYẾN CÁO

Kích cỡ thép	Ø10	Ø12	Ø16	Ø20	Ø25	Ø32
Chiều sâu khoan hiệu dụng h_{ef} (mm)	90	110	125	170	250	300
Bê tông không nứt Ngưỡng nhiệt độ (-40°C/+40 °C)						
Lực kéo C20/25 $N_{Rd,p}$ [kN]	13.46	16.93	27.78	47.23	86.82	133.36
C50/60 $N_{Rd,p}$ [kN]	15.35	19.30	31.67	53.84	98.98	152.03
Lực cắt C20/25 $N_{Rd,p}$ [kN]	6.67	10.48	14.76	40.95	64.29	105.24
Bê tông có vết nứt Ngưỡng nhiệt độ (-40°C/+40 °C)						
Lực kéo C20/25 $N_{Rd,p}$ [kN]	10.10	12.69	14.96	25.43	33.39	51.29
C50/60 $N_{Rd,p}$ [kN]	11.01	13.84	16.31	27.72	36.40	55.91
Lực cắt C20/25 $N_{Rd,p}$ [kN]	6.67	10.48	14.76	40.95	64.29	105.24

f_{yk} = 500 N/mm^2

MasterFlow® 932 AN

Vữa cấy thép epoxy (1:1) chất lượng cao

Hệ số an toàn từng phần $_{y}$1.4
Chỉ số kháng dùng ở nhiệt độ cao hơn, vui lòng tham khảo thêm với bộ phận kỹ thuật của BASF.
Tất cả các chỉ số trên đều được thử nghiệm có tính đến độ bám dính, trong đó với bê tông là độ kéo căng và với thép là độ kéo cắt.

MAP# MasterFlow 932 AN v1. 1017

® = nhãn hiệu đã đăng ký của thành viên MBCC Group ở nhiều quốc gia

TRÁCH NHIỆM	Các thông tin kỹ thuật và hướng dẫn thi công trong các tài liệu của Hóa Chất Xây Dựng MASTER BUILDERS SOLUTIONS dựa trên cơ sở khoa học và kinh nghiệm thực tế. Do các thông tin ở đây chỉ nêu lên bản chất chung, không có giả thiết nào chung cho việc sử dụng và thi công riêng biệt của bất kỳ sản phẩm nào, nên người sử dụng cần phải kiểm tra mức độ thích hợp của sản phẩm theo từng trường hợp.
CHÚ Ý	Hóa Chất Xây Dựng MASTER BUILDERS SOLUTIONS cung cấp sản phẩm và hướng dẫn kỹ thuật nhưng không bao gồm trách nhiệm giám sát. Nên sử dụng sản phẩm theo sự chỉ dẫn của Hóa Chất Xây Dựng MASTER BUILDERS SOLUTIONS, tuy nhiên phải tuân thủ theo sự thay đổi, điều chỉnh của các chủ đầu tư, kỹ sư hoặc nhà thầu trong việc thi công vào từng môi trường ứng dụng thích hợp.

Công Ty TNHH Master Builders Solutions

Trụ sở chính: Lầu 11, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, P. Bến Nghé, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại: +84 329 702 998
Mã số thuế: 0316341574
Website: https://www.master-builders-solutions.com/vi-vn